

Bản án số: 271/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2021

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Diện

2. Ông Phan Văn Siêng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1976 (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Công T, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: X3, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn ngày 03/01/1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP (Giấy chứng nhận kết hôn số xx quyển số 04). Từ năm 2015, ông T chơi số đề, bài bạc, vay mượn nhiều nơi rồi bỏ đi nơi khác, không chung sống với bà và các con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay, ông T không quan tâm gì đến vợ con nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không chung sống với nhau nữa nên bà Th yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thanh Th sinh ngày 20/01/1998 và Trương Thanh T sinh ngày 02/4/2002. Các con đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nên bà Th không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Bà Th không thay đổi gì về việc rút một phần yêu cầu giải quyết về tài sản khi ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Công T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà Th, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Kiến nghị khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, bà Th được ly hôn ông T, con chung đã trưởng thành nên không xem xét, không xem xét về tài sản do không có yêu cầu, bà Th phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Th yêu cầu ly hôn với ông T, không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn. Bị đơn ông T đăng ký hộ khẩu thường trú tại: X3, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trương Công T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Ông T thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ thời gian trở về nên Tòa án đã niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng ông T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông T về việc bà Th yêu cầu ly hôn, không tiến hành hòa giải được. Ông T không có ý kiến, trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực

hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo qui định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Vì ông T cờ bạc, số đề, vay mượn dẫn đến nợ nần rồi bỏ đi, không chung sống với bà Th nên từ năm 2015 đến nay, ông T và bà Th không có cuộc sống chung. Vợ chồng đã không còn quan tâm gì đến nhau, ông T cũng không quan tâm đến gia đình, vợ con. Bà Th yêu cầu ly hôn, ông T cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Có thể thấy, hôn nhân giữa bà Th và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Th ly hôn ông T.

[5] Về con chung: Hai con chung của bà Th và ông T là Trương Thanh Th sinh ngày 20/01/1998 và Trương Thanh T sinh ngày 02/4/2002 đều đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động. Các bên không có yêu cầu gì nên không cần người chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bà Th và ông T ly hôn.

[6] Về tài sản: Bà Th đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Việc rút một phần yêu cầu của bà Th là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Th. Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hiện nay bà Th không còn là cá nhân thuộc hộ nghèo nên theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Th. Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Th và ông Trương Công T.

2. Về con chung: Anh Trương Thanh Th sinh ngày 20/01/1998 và anh Trương Thanh T sinh ngày 02/4/2002 đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng tự lao động nên không cần người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

3. Về tài sản: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Lê Thị Th.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về tạm ứng án phí: Khi thụ lý vụ án, bà Th là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tạm ứng án phí vì vậy không xem xét đến việc trả lại tạm ứng án phí cho bà Th.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng